BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 707 /QĐ-BNNMT	*Hà Nội, ngày 02 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án phát triển nuôi trồng thủy sản hồ chứa giai đoạn 2026 - 2030

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều số 60/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình Quốc gia phát triển nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Thông báo số 12888/VPCP-NN ngày 29/01/2026 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà đối với dự thảo Đề án phát triển nuôi trồng thủy sản hồ chứa giai đoạn 2026 - 2030;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư.

QUYẾT ĐỊNH.

Điều 1. Phê duyệt Đề án phát triển nuôi trồng thủy sản hồ chứa giai đoạn 2026 - 2030 (sau đây viết tắt là Đề án), với những nội dung chính như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Khai thác hiệu quả tiềm năng mặt nước hồ chứa để phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị; gắn với bảo vệ môi trường và bảo vệ nguồn lợi thủy sản; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu sản xuất theo hướng giảm khai thác thủy sản, tạo sinh kế bền vững, nâng cao thu nhập cho người dân, đặc biệt là người dân sinh sống tại khu vực nông thôn, miền núi và đồng bào dân tộc thiểu số, đồng thời góp phần bảo đảm an sinh xã hội và an ninh quốc phòng.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Sản lượng nuôi trồng thủy sản hồ chứa đạt trên 260.000 tấn/năm, trong đó:

+ Sản lượng thủy sản nuôi lồng bè đạt trên 190.000 tấn/năm;

+ Sản lượng thủy sản nuôi thả trực tiếp đạt trên 70.000 tấn/năm.

- Giá trị sản xuất nuôi trồng thủy sản hồ chứa đạt khoảng 16.000 tỷ đồng/năm.

- Phấn đấu trên 50% cơ sở, hộ nuôi tại các hồ chứa được tổ chức sản xuất theo tổ hợp tác, hợp tác xã hoặc tham gia chuỗi liên kết.

- Tạo việc làm cho khoảng trên 80.000 lao động với mức thu nhập bình quân từ nuôi trồng thủy sản hồ chứa tăng trên 50% so với năm 2025, trong đó số lao động là đồng bào dân tộc thiểu số đạt trên 30%.

- Phấn đấu trên 5% số cơ sở nuôi lồng bè trên các hồ chứa áp dụng quy trình thực hành nuôi trồng thủy sản tốt (VietGAP hoặc tương đương) hoặc quy trình kỹ thuật tiên tiến, thân thiện môi trường; sử dụng vật liệu làm lồng bè thân thiện với môi trường.

- Phấn đấu 100% cơ sở nuôi trồng thủy sản trên hồ chứa cập nhật thông tin trên cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ

a) Xây dựng, phát triển các hình thức nuôi thủy sản hồ chứa phù hợp với điều kiện sinh thái và môi trường của từng loại hồ chứa khác nhau

- Xây dựng, hình thành các vùng nuôi lồng, bè đối với các loài thủy sản có giá trị kinh tế tại các hồ chứa lớn theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung; bảo đảm phù hợp với sức chịu tải môi trường, điều kiện thủy văn và yêu cầu an toàn công trình hồ, đập.

- Xây dựng, phát triển hình thức nuôi thả trực tiếp gắn với bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; ưu tiên nuôi các loài thủy sản bản địa, loài thủy đặc sản, bảo đảm cân bằng sinh thái, bảo vệ đa dạng sinh học.

- Triển khai các mô hình nuôi sinh thái trong hồ chứa theo nguyên tắc tận dụng điều kiện tự nhiên, kết hợp tái tạo nguồn lợi thủy sản; gắn nuôi trồng với bảo vệ khu vực sinh sản tập trung, khu vực thủy sản non tập trung sinh sống và các tuyến di cư của loài thủy sản; giảm thiểu tác động môi trường, phát thải khí nhà kính và không gây suy thoái hệ sinh thái hồ chứa.

b) Xây dựng, hình thành hệ thống sản xuất và cung ứng con giống, thức ăn, vật tư phục vụ nuôi trồng thủy sản trên hồ chứa

- Xây dựng và phát triển các vùng sản xuất giống thủy sản tại chỗ, ưu tiên giống bản địa và các loài thủy sản đặc sản có chất lượng cao, phù hợp với điều kiện sinh thái của từng hồ chứa; tổ chức hình thành hệ thống cơ sở ương dưỡng giống và mạng lưới cung ứng giống tại địa phương, nhằm chủ động nguồn giống phục vụ phát triển nuôi trồng thủy sản hồ chứa theo hướng bền vững.

- Phát triển sản xuất, cung ứng thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản, thuốc phòng, trị bệnh thủy sản và các loại vật tư, thiết bị nuôi trồng thủy sản phù hợp với nuôi hồ chứa.

- Hình thành hệ thống cung ứng vật tư, thiết bị nuôi trồng thủy sản theo hướng tiết kiệm nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng, ứng dụng công nghệ mới, thân thiện với môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

c) Phát triển hạ tầng và dịch vụ hỗ trợ nuôi trồng thủy sản hồ chứa

- Đầu tư, nâng cấp và phát triển hệ thống hạ tầng phục vụ nuôi trồng thủy sản hồ chứa, bao gồm bến cá, kho bãi, kho lạnh, cơ sở cung ứng con giống và vật tư tại các hồ chứa lớn, trọng điểm; hình thành các trung tâm sơ chế, chế biến và tiêu thụ sản phẩm thủy sản gắn với vùng nuôi.

- Xây dựng kế hoạch và phát triển hệ thống giao thông thủy nội địa, giao thông đường bộ, hệ thống điện và hạ tầng kỹ thuật thiết yếu khác trong phạm vi phục vụ trực tiếp cho nuôi trồng thủy sản hồ chứa nhằm bảo đảm kết nối đồng bộ giữa vùng nuôi tập trung, trọng điểm với các cơ sở chế biến, tiêu thụ sản phẩm và thị trường.

- Phát triển các loại hình dịch vụ hỗ trợ nuôi trồng thủy sản hồ chứa, đặc biệt là dịch vụ phục vụ nuôi lồng bè như cung ứng con giống, thú y thủy sản, thức ăn, vật tư, thiết bị, dịch vụ kỹ thuật, bảo quản và logistics, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất và giảm chi phí cho người nuôi.

d) Phát triển thị trường và xây dựng thương hiệu cho sản phẩm thủy sản hồ chứa

- Xây dựng và phát triển các sản phẩm thủy sản hồ chứa có chất lượng cao, đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn và chứng nhận phù hợp như sản phẩm, các tiêu chuẩn VietGAP, OCOP, GlobalGAP, ASC hoặc tương đương.

- Xây dựng, tổ chức triển khai các chương trình truyền thông, quảng bá và xúc tiến thương mại, giới thiệu sản phẩm thủy sản hồ chứa; thực hiện đăng ký nhãn hiệu, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý đối với các sản phẩm đặc trưng.

- Xây dựng và phát triển hệ thống phân phối sản phẩm thủy sản hồ chứa. Phát triển thị trường trong nước, đồng thời nghiên cứu, mở rộng thị trường xuất khẩu phù hợp với từng nhóm sản phẩm và khả năng đáp ứng tiêu chuẩn của thị trường.

đ) Tăng cường quản lý nhà nước và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển nuôi trồng thủy sản hồ chứa

- Rà soát, phân loại các hồ chứa theo mục đích sử dụng, điều kiện khai thác và khả năng phát triển nuôi trồng thủy sản; xác định rõ các hồ không được phép phát triển nuôi trồng thủy sản (hồ phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh, cấp nước sinh hoạt hoặc các mục đích đặc thù khác).

- Thực hiện phân khu, phân vùng nuôi trồng thủy sản trong hồ chứa; không bố trí nuôi tại các khu vực hành lang giao thông thủy, khu vực bảo vệ công trình, khu vực bảo đảm an ninh, an toàn hồ, đập và các khu vực cấm theo quy định của pháp luật.

- Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách và quy định quản lý nuôi trồng thủy sản hồ chứa, bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường, an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm, không làm ảnh hưởng đến cảnh quan, quốc phòng, an ninh và an toàn công trình.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và phối hợp liên ngành trong quản lý nuôi trồng thủy sản và quản lý tổng hợp các hoạt động trong hồ chứa.

- Đẩy mạnh đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho công chức, viên chức địa phương và người nuôi về quản lý, khoa học – công nghệ, kỹ thuật nuôi trồng thủy sản, kiểm soát dịch bệnh, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường; nâng cao nhận thức về kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững trong nuôi trồng thủy sản hồ chứa.

2. Các nhóm giải pháp chủ yếu

a) Giải pháp về cơ chế, chính sách và quản lý nhà nước

- Hoàn thiện khung pháp lý về nuôi trồng thủy sản hồ chứa: rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các quy định liên quan đến quản lý nuôi trồng thủy sản trên hồ chứa, bảo đảm thống nhất giữa các quy định về sử dụng mặt nước hồ chứa; làm rõ thẩm quyền, trách nhiệm quản lý giữa Trung ương, địa phương và các đơn vị được giao quản lý hồ chứa.

- Hoàn thiện các quy định về cấp mã số cơ sở nuôi, cấp phép nuôi trồng thủy sản hồ chứa, điều kiện sản xuất, an toàn thực phẩm và an toàn dịch bệnh theo các quy định pháp luật.

- Rà soát, xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến nuôi trồng thủy sản hồ chứa, làm cơ sở quản lý chất lượng con giống, thức ăn, vật tư, quy trình nuôi, sản phẩm chế biến và bảo vệ môi trường.

- Căn cứ nhu cầu thực tiễn, rà soát, đề xuất xây dựng các chính sách ưu đãi nhằm khuyến khích đầu tư và huy động nguồn lực cho phát triển nuôi trồng thủy sản hồ chứa, như: hỗ trợ tín dụng; miễn, giảm tiền thuê mặt nước; ưu đãi đầu tư đối với các dự án sản xuất giống, thức ăn, chế biến và tiêu thụ thủy sản hồ chứa.

- Lồng ghép các hoạt động, dự án phát triển nuôi trồng thủy sản hồ chứa vào Kế hoạch triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế – xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026–2035, nhằm huy động nguồn lực tổng hợp và bảo đảm tính bền vững trong triển khai thực hiện.

- Các địa phương căn cứ tiềm năng và điều kiện thực tế, xây dựng hoặc hoàn thiện Đề án phát triển nuôi trồng thủy sản hồ chứa trên địa bàn; xác định rõ sức chịu tải môi trường, phân vùng cụ thể khu vực được phép nuôi, khu vực bảo vệ nguồn lợi và khu vực hạn chế hoặc cấm nuôi; bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường; giảm khai thác, sử dụng đa mục tiêu đối với từng hồ chứa.

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát và phối hợp liên ngành trong hoạt động nuôi trồng thủy sản và các ngành kinh tế khác trên hồ chứa (nông nghiệp – môi trường – công thương – du lịch – quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội).

- Xây dựng, tích hợp các nội dung quản lý nuôi trồng thủy sản hồ chứa vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản; đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý phát triển nuôi trồng thủy sản hồ chứa.

- Hỗ trợ kinh phí và cụ thể hóa chính sách ưu tiên đối với đồng bào dân tộc thiểu số trong xây dựng thương hiệu, chứng nhận sản phẩm và phát triển chuỗi giá trị đối với các sản phẩm thủy sản hồ chứa.

b) Giải pháp về tổ chức sản xuất

- Phát triển và nhân rộng các hình thức hợp tác, hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ cộng đồng; liên kết chuỗi trong nuôi trồng thủy sản hồ chứa (phù hợp với điều kiện từng vùng hồ); tăng cường vai trò tự quản của cộng đồng trong tổ chức mô hình, khai thác, bảo vệ môi trường và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

- Thí điểm mô hình đồng quản lý trong nuôi trồng thủy sản hồ chứa theo hướng dẫn của FAO về quản trị nghề cá và nuôi trồng thủy sản dựa vào cộng đồng; xác định rõ quyền, trách nhiệm và lợi ích của Nhà nước – cộng đồng – đơn vị quản lý hồ chứa; đánh giá, hoàn thiện cơ chế pháp lý để áp dụng, nhân rộng đối với các hồ chứa lớn.

- Phát triển liên kết chuỗi giá trị nuôi trồng thủy sản hồ chứa, từ cung ứng con giống, thức ăn, vật tư, nuôi trồng, thu hoạch, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm.

- Thúc đẩy phát triển các mô hình kinh tế tổng hợp tại hồ chứa, trong đó ưu tiên kết hợp nuôi trồng thủy sản bền vững với ẩm thực địa phương, trải nghiệm văn hóa cộng đồng, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng và bảo tồn văn hóa bản địa; qua đó khai thác hiệu quả và gia tăng giá trị kinh tế trên cùng một đơn vị diện tích mặt nước.

c) Giải pháp về khoa học – công nghệ

- Ứng dụng và phát triển công nghệ nuôi tiên tiến, sử dụng vật liệu mới, an toàn với môi trường (HDPE, Composite…), thiết bị cho ăn tự động, thiết bị quan trắc môi trường tự động tương ứng với hạ tầng sản xuất trên hồ chứa; áp dụng quy trình nuôi an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm và các mô hình nuôi sinh thái gắn với thả giống – khai thác – bảo vệ nguồn lợi.

- Phát triển công nghệ chọn tạo và sản xuất giống, tập trung nghiên cứu, chọn tạo và phát triển các giống thủy sản bản địa, giống thủy đặc sản;

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, bao gồm hệ thống thông tin địa lý (GIS), chuỗi khối (blockchain), dữ liệu lớn (big data), internet vạn vật (IoT)… trong xây dựng cơ sở dữ liệu, lập bản đồ, phân vùng và quản lý vùng nuôi; đăng ký, cấp mã số cơ sở nuôi; truy xuất nguồn gốc sản phẩm; kết nối, phân tích dữ liệu quan trắc môi trường và cảnh báo dịch bệnh.

- Đẩy mạnh chuyển giao công nghệ trong nuôi trồng thủy sản vùng hồ, đặc biệt là các loài thủy đặc sản, thủy sản đặc hữu.

d) Giải pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững

- Đánh giá sức chịu tải và kiểm soát môi trường hồ chứa, xác định sản lượng thủy sản tối đa được phép nuôi tại mỗi vùng nuôi, mỗi hồ cụ thể; tổ chức quan trắc môi trường nước định kỳ và triển khai hệ thống cảnh báo sớm ô nhiễm, tình hình dịch bệnh nhằm phòng ngừa rủi ro, giảm thiểu thiệt hại.

- Kiểm soát chất thải và thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, khuyến khích áp dụng công nghệ sạch, công nghệ xanh, mô hình nuôi tuần hoàn; sử dụng thức ăn hỗn hợp đạt chuẩn, hạn chế và tiến tới chấm dứt sử dụng thức ăn tươi sống; tăng cường sử dụng chế phẩm sinh học, sản phẩm xử lý môi trường có nguồn gốc tự nhiên; áp dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải.

- Lồng ghép công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản và đa dạng sinh học, thiết lập và quản lý các khu vực bảo vệ nguồn lợi tại khu vực sinh sản tập trung, khu vực thủy sản non tập trung sinh sống và các tuyến di cư; duy trì hoạt động thả tái tạo nguồn lợi thủy sản hằng năm, ưu tiên loài bản địa, loài đặc hữu; tổ chức thực hiện đồng quản lý gắn với phát triển sinh kế bền vững.

- Tuân thủ nghiêm các quy định về bảo vệ tài nguyên nước và an toàn công trình, bảo đảm hoạt động nuôi trồng thủy sản không gây suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước, cản trở dòng chảy, hư hại công trình trên sông, gây trở ngại cho giao thông thủy và không được gây nhiễm mặn nguồn nước; đảm bảo hoạt động nuôi trồng thủy sản trên lòng hồ không gây ảnh hưởng đến an toàn đập, hồ chứa, chất lượng nguồn nước, nhiệm vụ phòng, chống lũ, cấp nước cho hạ du của đập, hồ chứa.

- Bảo đảm hoạt động nuôi phù hợp với quy trình vận hành hồ chứa, không bố trí lồng, bè nuôi tại khu vực hành lang xả lũ, khu vực gần đập, tuyến giao thông thủy; quy định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc di dời, gia cố hoặc thu hẹp quy mô nuôi khi có yêu cầu bảo đảm an toàn vận hành hồ chứa.

e) Giải pháp về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Tổ chức đào tạo, tập huấn và bồi dưỡng cho người nuôi, cán bộ kỹ thuật và cán bộ quản lý cấp cơ sở về tiêu chuẩn thực hành nuôi trồng thủy sản tốt (VietGAP, GlobalGAP hoặc tương đương), về quản lý vùng nuôi, phòng, chống dịch bệnh, bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc.

- Hỗ trợ các cộng đồng, hợp tác xã, tổ hợp tác nuôi trồng thủy sản hồ chứa xây dựng quy ước cộng đồng, nâng cao năng lực quản trị và phát triển mô hình sinh kế bền vững; ưu tiên các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

III. CÁC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ ƯU TIÊN

Để tổ chức triển khai thực hiện Đề án, cần thực hiện các dự án, nhiệm vụ ưu tiên theo Danh mục tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn vốn thực hiện Đề án từ ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp lệ khác theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cục Thủy sản và Kiểm ngư

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu Bộ Nông nghiệp và Môi trường xây dựng kế hoạch triển khai Đề án; hướng dẫn, đôn đốc và tổng hợp tình hình thực hiện Đề án trên phạm vi cả nước.

b) Chủ trì nghiên cứu, đề xuất và tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách chuyên ngành về nuôi trồng thủy sản hồ chứa theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Hướng dẫn các địa phương xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án phát triển nuôi trồng thủy sản hồ chứa phù hợp điều kiện thực tế và theo quy định pháp luật.

d) Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan (Công Thương; Dân tộc và Tôn giáo; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Quốc phòng; Công an và các cơ quan liên quan) trong xây dựng cơ chế chính sách, thực hiện các dự án, nhiệm vụ ưu tiên, tổ chức quản lý hoạt động nuôi trồng thủy sản hồ chứa, gắn với phát triển thị trường, du lịch, bảo đảm an ninh quốc phòng.

đ) Tổ chức kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Đề án; định kỳ báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

2. Vụ Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, đề xuất, tham mưu xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển nuôi trồng thủy sản hồ chứa.

b) Đề xuất các nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến nuôi trồng thủy sản hồ chứa vào kế hoạch khoa học và công nghệ của Bộ theo từng giai đoạn.

c) Chủ trì, tổ chức triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và chuyển đổi số trong nuôi trồng thủy sản hồ chứa.

d) Chủ trì rà soát, bổ sung danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và định mức kinh tế – kỹ thuật liên quan đến nuôi trồng thủy sản hồ chứa.

3. Vụ Kế hoạch – Tài chính

a) Chủ trì tổng hợp, đề xuất phân bổ nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ của đề án theo đề nghị của các đơn vị.

b) Tổng hợp đề xuất của các địa phương đối với các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng phục vụ nuôi trồng thủy sản hồ chứa theo quy định.

c) Hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác.

d) Phối hợp với Cục Thủy sản và Kiểm ngư kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Đề án.

4. Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, đề xuất nhiệm vụ gắn phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm nuôi trồng thủy sản hồ chứa với tái cơ cấu ngành thủy sản và phát triển kinh tế nông thôn.

b) Hướng dẫn xây dựng và phát triển sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc sản vùng hồ, gắn với truy xuất nguồn gốc, an toàn thực phẩm và tiêu chuẩn thị trường.

c) Phối hợp kết nối thị trường tiêu thụ trong nước, đặc biệt tại các đô thị lớn, khu công nghiệp, khu du lịch; nghiên cứu, đề xuất định hướng phát triển thị trường xuất khẩu phù hợp.

d) Lồng ghép nội dung phát triển thị trường thủy sản hồ chứa với các chương trình phát triển kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác, xây dựng nông thôn mới và sinh kế bền vững cho cộng đồng vùng hồ.

5. Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi

a) Tham gia, phối hợp với các địa phương và đơn vị liên quan rà soát đánh giá tiềm năng nuôi trồng thủy sản tại các hồ chứa thủy lợi do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý, bảo đảm hài hòa lợi ích của nuôi trồng thủy sản với nhiệm vụ thủy lợi, phòng, chống thiên tai và an toàn công trình.

b) Chủ trì, phối hợp hướng dẫn địa phương cân đối, điều tiết nguồn nước, bảo đảm hoạt động nuôi trồng thủy sản hồ chứa an toàn, không ảnh hưởng đến chức năng cấp nước và phòng, chống lũ.

c) Tham gia quản lý, kiểm soát các vùng nuôi trồng thủy sản ven đập, bảo đảm tuân thủ quy định về hành lang bảo vệ công trình thủy lợi.

6. Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai

a) Chủ trì, phối hợp với Cục Thủy sản và Kiểm ngư, Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi và các đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức nuôi trồng thủy sản trên hồ chứa bảo đảm an toàn đê điều, an toàn hồ, đập, công trình thủy lợi, thủy điện và yêu cầu phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật.

b) Phối hợp rà soát, hướng dẫn các địa phương lồng ghép các nội dung phát triển nuôi trồng thủy sản hồ chứa với kế hoạch phòng, chống thiên tai, phương án ứng phó thiên tai và quy trình vận hành hồ chứa, đặc biệt trong mùa mưa lũ.

c) Tham gia ý kiến đối với việc phân vùng nuôi trồng thủy sản trên hồ chứa, bảo đảm không bố trí hoạt động nuôi trồng thủy sản tại các khu vực ảnh hưởng đến thoát lũ, an toàn công trình, hành lang bảo vệ đê điều, hồ, đập.

7. Cục Môi trường

a) Chủ trì, đề xuất, tham mưu xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách về bảo vệ môi trường trong nuôi trồng thủy sản hồ chứa.

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường và kiểm soát ô nhiễm trong nuôi trồng thủy sản hồ chứa.

c) Tham gia xây dựng và triển khai hệ thống quan trắc, cảnh báo môi trường nước hồ chứa, kiểm soát ô nhiễm, bảo vệ đa dạng sinh học liên quan đến môi trường nước hồ chứa và nguồn lợi thủy sản.

8. Cục Quản lý tài nguyên nước

a) Phối hợp với Cục Thủy sản và Kiểm ngư, Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai, Cục Môi trường và các đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức nuôi trồng thủy sản trên hồ chứa bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về tài nguyên nước, không làm ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước, an ninh nguồn nước và nhu cầu cấp nước cho hạ du.

b) Phối hợp với Cục Thủy sản và Kiểm ngư và các đơn vị liên quan trong việc rà soát, hướng dẫn các địa phương lồng ghép nội dung phát triển nuôi trồng thủy sản hồ chứa với quy hoạch tài nguyên nước, kế hoạch quản lý tổng hợp lưu vực sông, quy trình vận hành liên hồ chứa và các phương án điều tiết, phân bổ tài nguyên nước theo quy định.

c) Tham gia ý kiến đối với việc phân vùng, xác định khu vực được phép và hạn chế nuôi trồng thủy sản trên hồ chứa, bảo đảm không bố trí nuôi trồng thủy sản tại các khu vực ảnh hưởng đến hành lang bảo vệ nguồn nước, khu vực cấp nước sinh hoạt, khu vực bảo vệ công trình khai thác tài nguyên nước.

9. Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường

a) Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm, kiểm soát dư lượng đối với sản phẩm nuôi trồng thủy sản hồ chứa; tổ chức giám sát, cảnh báo và xử lý các nguy cơ mất an toàn thực phẩm theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thị trường, xây dựng thương hiệu, kết nối tiêu thụ đối với sản phẩm nuôi trồng thủy sản hồ chứa; hỗ trợ tiếp cận các thị trường tiềm năng trong nước và quốc tế.

10. Trung tâm Khuyến nông quốc gia

a) Đề xuất và tổ chức triển khai các chương trình/dự án khuyến nông, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, nhân rộng mô hình nuôi trồng thủy sản hồ chứa hiệu quả sau khi được Bộ phê duyệt.

b) Lồng ghép các hoạt động truyền thông, đào tạo, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho người nuôi, hợp tác xã, tổ hợp tác và cộng đồng vùng hồ vào kế hoạch khuyến nông hằng năm.

11. Viện Khoa học Thủy sản Việt Nam

a) Chủ trì triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được giao trong danh mục các dự án, nhiệm vụ ưu tiên thuộc Đề án phát triển nuôi trồng thủy sản hồ chứa giai đoạn 2026–2030 theo phân công của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

b) Chủ động nghiên cứu, đề xuất các nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến phát triển giống thủy sản, công nghệ nuôi, thức ăn, quản lý môi trường, đánh giá sức tải và phát triển nuôi trồng thủy sản hồ chứa để đưa vào kế hoạch khoa học và công nghệ hằng năm và trung hạn của Bộ.

c) Phối hợp, hỗ trợ các địa phương theo đề xuất và nhu cầu thực tiễn trong việc khảo sát, đánh giá tiềm năng, xây dựng phương án, mô hình và giải pháp kỹ thuật phát triển nuôi trồng thủy sản hồ chứa phù hợp với điều kiện sinh thái, kinh tế – xã hội của từng vùng, từng hồ chứa.

d) Phối hợp với Cục Thủy sản và Kiểm ngư tham gia xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu về nuôi trồng thủy sản hồ chứa; cung cấp dữ liệu khoa học, kết quả nghiên cứu, bản đồ phân vùng và các thông tin chuyên ngành phục vụ công tác quản lý, quy hoạch và cấp phép.

12. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có nuôi trồng thủy sản hồ chứa

a) Chỉ đạo đơn vị chuyên môn rà soát và phân vùng cụ thể các khu vực được phép nuôi trồng thủy sản trên hồ chứa, khu vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản và khu vực hạn chế hoặc cấm nuôi, bảo đảm phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch tỉnh và điều kiện thực tế của từng hồ chứa.

b) Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn xây dựng Đề án phát triển nuôi trồng thủy sản hồ chứa cấp tỉnh, phê duyệt để tổ chức thực hiện.

c) Quản lý, giám sát các hoạt động nuôi trồng thủy sản hồ chứa phù hợp với các quy định về khai thác, sử dụng nguồn nước từ hồ chứa và các hoạt động trong hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định của Luật Tài nguyên nước, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về nuôi trồng thủy sản, khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, bảo vệ môi trường và an toàn hồ đập.

d) Tham mưu cấp có thẩm quyền phân bổ, lồng ghép các nguồn lực từ ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp lệ khác theo quy định của pháp luật để phát triển nuôi trồng thủy sản hồ chứa theo lợi thế của từng địa phương; hỗ trợ người dân, hợp tác xã, tổ hợp tác và doanh nghiệp đầu tư phát triển nuôi trồng thủy sản hồ chứa theo hướng hiệu quả, bền vững.

đ) Chủ động nghiên cứu, đề xuất, xây dựng các cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương nhằm khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã và các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển nuôi trồng thủy sản hồ chứa, dịch vụ hậu cần, chế biến, tiêu thụ sản phẩm và du lịch sinh thái gắn với nuôi trồng thủy sản hồ chứa.

e) Tổ chức hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật và các quy định liên quan đến bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, phát triển nuôi trồng thủy sản hồ chứa và an toàn hồ đập cho tổ chức, cá nhân có liên quan.

13. Các tổ chức, doanh nghiệp và đối tác liên quan

a) Hiệp hội ngành hàng, Hội Nông dân Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và các tổ chức chính trị – xã hội liên quan:

- Tổ chức tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và người dân tham gia thực hiện Đề án; nâng cao nhận thức về phát triển nuôi trồng thủy sản hồ chứa theo hướng hiệu quả, bền vững, bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản.

- Hỗ trợ tổ chức lại sản xuất theo các hình thức hợp tác xã, tổ hợp tác, liên kết cộng đồng; thúc đẩy liên kết sản xuất – thu mua – chế biến – tiêu thụ theo chuỗi giá trị.

- Phối hợp hỗ trợ xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu tập thể, chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc sản phẩm thủy sản hồ chứa; kết nối thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

b) Doanh nghiệp sản xuất, chế biến, thu mua thủy sản

- Chủ động tham gia đầu tư, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị với người dân, hợp tác xã và tổ hợp tác nuôi trồng thủy sản hồ chứa; phát triển vùng nguyên liệu ổn định, bền vững.

- Tham gia hỗ trợ ứng dụng khoa học – công nghệ, truy xuất nguồn gốc, nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng yêu cầu thị trường.

- Phối hợp thực hiện đánh giá phát thải, xây dựng hồ sơ tín chỉ các-bon, thúc đẩy áp dụng mô hình nuôi trồng thủy sản theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; kết nối tiêu thụ sản phẩm và tín chỉ các-bon trên thị trường trong nước và quốc tế theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh văn phòng Bộ, Cục trưởng các Cục: Thủy sản và Kiểm ngư, Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn, Môi trường, Quản lý tài nguyên nước, Quản lý và Xây dựng công trình thuỷ lợi, Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường, Quản lý đề điều và Phòng chống thiên tai; Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch – Tài chính, Khoa học và Công nghệ; Viện trưởng Viện Khoa học Thủy sản Việt Nam; Giám đốc Trung tâm khuyến nông Quốc gia, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ *(để báo cáo);*
- Bộ trưởng *(để báo cáo);*
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Các Cục: TSKN, MT, CCPT, KTHT&PTNT, QLXDCT, QLTN nước, QLDĐ&PCTT *(để thực hiện);*
- Các Vụ: KH-TC, KH&CN (*để thực hiện*);
- Trung tâm Khuyến nông Quốc gia *(để thực hiện);*
- Viện Khoa học Thủy sản Việt Nam *(để thực hiện);*
- Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố *(để thực hiện);*
- Các Hội, hiệp hội: Hội Thủy sản Việt Nam; Hội Nông dân Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã; VASEP;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Lưu: VT, TSKN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Phùng Đức Tiến